TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Ngọc Lan;

Bà Nguyễn Thu Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đỗ Thị S, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Nguyen Thang T, sinh năm 1969;

Quốc tịch: Hoa Kỳ;

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

(Bà Đỗ Thị S và ông Nguyen Thang T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/4/2021, bản tự khai ngày 22/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị S trình bày:*

Vào năm 2019, bà và ông Nguyen Thang T quen biết và có tìm hiểu nhau; đến ngày 27/02/2020, hai bên quyết định kết hôn và sống chung với nhau.

Hai bên sống chung với nhau hạnh phúc từ năm 2020 đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống với

nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể hàn gắn được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyen Thang T;

- Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyen Thang T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình hòa giải, xét xử; cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Đỗ Thị S, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị S, cho bà Đỗ Thị S ly hôn với ông Nguyen Thang T, về con chung và tài sản chung không có.

* Trong quá trình tố tụng, bà Đỗ Thị S cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai, Đơn yêu cầu thu thập chứng cứ, Giấy chứng minh nhân dân của bà S, Sổ hộ khẩu của bà S, Giấy chứng nhận kết hôn, Văn bản trình bày ý kiến, Đơn đề nghị vắng mặt; ông Nguyen Thang T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: không có; Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Hồ sơ ủy thác tư pháp.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Bà Đỗ Thị S khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyen Thang T, sinh năm 1969; cư trú: Hoa Kỳ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Nguyên đơn Đỗ Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đối với bị đơn Nguyen Thang T đang cư trú ở nước ngoài, Tòa án không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tống đạt, niêm yết; căn cứ

Điều 228 và điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị S và ông Nguyen Thang T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số vào sổ đăng ký kết hôn 14 ngày 27/02/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Nguyen Thang T đã trở về nước sinh sống, không còn liên lạc với bà Đỗ Thị S cho đến nay. Xét thấy, ông Nguyen Thang T đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng làm cho quan hệ hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Bà Đỗ Thị S và ông Nguyen Thang T không có con chung.

[4]. Về quan hệ tài sản chung: Bà Đỗ Thị S và ông Nguyen Thang T không có tài sản chung.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, bà Đỗ Thị S phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 228, Điều 469, Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: cho bà Đỗ Thị S ly hôn với ông Nguyen Thang T.
- Về quan hệ con chung: không có.
- Về quan hệ tài sản chung: không có.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị S phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Đỗ Thị S đã nộp theo biên lai thu số 0001705 ngày 06/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang thành án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp

luật. Ông Nguyen Thang T có quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- CTHADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy